|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN NGỌC LẶC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Ngọc Lặc, ngày tháng 8 năm 2023* |

**TÀI LIỆU TUYÊN TRUYỀN**

**THỦ TỤC ĐĂNG KÝ VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT LẦN ĐẦU**

*(Phần dành cho các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu)*

**Trách nhiệm của các hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu:**

**Bước 1: Nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận**

**1. Thời gian tiếp nhận và trả kết quả:** Trong giờ hành chính các ngày từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định).

**2. Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả:**

Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm chuẩn bị đầy đủ hồ sơ gồm: Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04a/ĐK; Hợp đồng trích đo địa chính thửa đất (hoặc bản trích đo địa chính thửa đất); các loại giấy tờ khác có liên quan *(nếu có)* và nộp hồ sơ theo một trong hai cách sau:

**Cách 1:** **Nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Ủy ban nhân cấp xã, thị trấn nơi có đất.**

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả theo quy định. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải chuyển hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.

**Cách 2: Nộp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.**

- Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì UBND xã hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện có văn bản trả hồ sơ và nêu rõ lý do theo quy định tại khoản 11 Điều 7 Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ thực hiện các trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận cho các hộ gia đình, cá nhân theo các bước trong tài liệu này.

*(Có Phụ lục 1: Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Mẫu số 04a/ĐK; Phụ lục 2: Hợp đồng trích đo địa chính thửa đất kèm theo)*

**Bước 2: Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm ghi đầy đủ thông tin vào Sổ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả, trao Phiếu tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả cho người nộp hồ sơ.**

*(Có Phụ lục 3: Mẫu phiếu tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kèm theo)*

Sau khi ghi đầy đủ thông tin theo quy định, nhận mẫu phiếu tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả*,* các hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan *(Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ngọc Lặc, Công chức địa chính – xây dựng)* để thực hiện các công việc sau:

- Cắm mốc giới thửa đất, chỉ mốc để Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện thực hiện trích đo chỉnh lý thửa đất và ký giáp ranh thửa đất, đảm bảo thửa đất đang được sử dụng ổn định, không tranh chấp, lấn chiếm.

- Ký xác nhận vào bản đồ chỉnh lý thửa đất, biên bản đo đạc hiện trạng thửa đất;

- Ký vào Hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính.

*(Có Phụ lục 4: Mẫu ký xác nhận vào Đo đạc chỉnh lý thửa đất; Phụ lục 5: biên bản đo đạc hiện trạng thửa đất; Phụ lục 6: hồ sơ thực hiện nghĩa vụ tài chính kèm theo)*

**Bước 3: Thực hiện nghĩa vụ tài chính.**

- Sau khi nhận được Thông báo từ Cơ quan thuế theo *“Mẫu Phụ luc 6 về thực hiện nghĩa vụ tài chính”,* trong vòng 30 ngày kể từ ngày Cơ quan thuế ra Thông báo nộp nghĩa vụ tài chính, hộ gia đình, cá nhân đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh Ngọc Lặc để nộp tiền thực hiện nghĩa vụ tài chính và cầm giấy xác nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước (nếu phải nộp tiền theo quy định).

- Nộp giấy xác nhận đã nộp tiền vào ngân sách nhà nước vào Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện.

**Bước 4: Nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**

Sau khi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Ngọc Lặc trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, nếu UBND cấp xã, thị trấn nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, đến nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về trả cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định; nếu các hộ gia đình, cá nhân trực tiệp trấn nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện, các hộ đến nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy hẹn trả kết quả theo Mấu ở Phục lục 2.

**Phụ lục 1: Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | | **Mẫu số 04a/ĐK** | |
| **PHẦN GHI CỦA NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ**  Đã kiểm tra nội dung đơn đầy đủ, rõ ràng, thống nhất với giấy tờ xuất trình.  Vào sổ tiếp nhận hồ sơ số:......Quyển....  *Ngày…... / ...… / .......…*  **Người nhận hồ sơ**  *(Ký và ghi rõ họ, tên)* | |
|  | |
| **ĐƠN ĐĂNG KÝ, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT** | |
|  | |
| Kính gửi:........................................................................... | |
|  | |
| **I. PHẦN KÊ KHAI CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ**  *(Xem kỹ hướng dẫn viết đơn trước khi kê khai; không tẩy xoá, sửa chữa trên đơn)* | | | |
| **1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người quản lý đất**  1.1. Tên *(viết chữ in hoa)*:……………………………………………………………………  …...........................................................................................................................................  1.2. Địa chỉ thường trú (1): …………………………………………….…………............ | | | |
| **2. Đề nghị**: - Đăng ký QSDĐ Đăng ký quyền quản lý đất  - Cấp GCN đối với đất Cấp GCN đối với tài sản trên đất | | | (*Đánh dấu √ vào ô trống lựa chọn*) |
| **3. Thửa đất đăng ký** (2)…………………………………………………………………..  3.1.Thửa đất số: ………………..….….; 3.2. Tờ bản đồ số: …….…………………....…; 3.3. Địa chỉ tại: ....................................................................................................................;  3.4. Diện tích: …...…....... m2; sử dụng chung: .................... m2; sử dụng riêng: …............... m2;  3.5. Sử dụng vào mục đích: ........................................., từ thời điểm: …………….......;  3.6. Thời hạn đề nghị được sử dụng đất: ...........................................................................;  3.7. Nguồn gốc sử dụng (3):.................................................................................................;  3.8. Có quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất số……., của ………………….., nội dung quyền sử dụng………………………………………………………………………..; | | | |
| **4. Tài sản gắn liền với đất** *(Chỉ kê khai nếu có nhu cầu được chứng nhận quyền sở hữu tài sản)* | | | |
| ***4.1. Nhà ở, công trình xây dựng khác*:**  a) Loại nhà ở, công trình(4): ;  b) Diện tích xây dựng: ................ (m2);  c) Diện tích sàn (*đối với nhà*) hoặc công suất (*đối với công trình khác*): ;  d) Sở hữu chung: ………………................... m2, sở hữu riêng: m2;  đ) Kết cấu:………………………………………....; e) Số tầng: ;  g) Thời hạn sở hữu đến:  *(Trường hợp có nhiều nhà ở, công trình xây dựng khác thì chỉ kê khai các thông tin chung và tổng diện tích của các nhà ở, công trình xây dựng; đồng thời lập danh sách nhà ở, công trình kèm theo đơn)* | | | |
| ***4.2. Rừng sản xuất là rừng trồng:*** | ***4.3. Cây lâu năm:*** | | |
| a) Loại cây chủ yếu: ……………………..;  b) Diện tích: ……………………. m2;  c) Nguồn gốc tạo lập:  - Tự trồng rừng:  - Nhà nước giao không thu tiền:  - Nhà nước giao có thu tiền:  - Nhận chuyển quyền:  - Nguồn vốn trồng, nhận quyền: ………......…  d) Sở hữu chung: .…… m2, Sở hữu riêng: .…… m2;  đ) Thời hạn sở hữu đến: …………………………. | a) Loại cây chủ yếu:…………;  b) Diện tích: ……………………. m2;  c) Sở hữu chung:.………… m2,  Sở hữu riêng:…............... m2 ;  d) Thời hạn sở hữu đến: ………. | | |
| **5. Những giấy tờ nộp kèm theo:** ……………………………………………………... | | | |
| **6.** **Có nhu cầu ghi nợ đối với loại nghĩa vụ tài chính**: ………..……......………………...  Đề nghị khác : …………………………..……………………………………………………. | | | |

Tôi xin cam đoan nội dung kê khai trên đơn là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*……………, ngày* .... *tháng* ... *năm* ......

**Người viết đơn**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **II. XÁC NHẬN CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN 5**  *(Xác nhận đối với trường hợp hộ gia đình cá nhân, cộng đồng dân cư; người Việt Nam định cư ở nước ngoài sở hữu nhà ở, trừ trường hợp mua nhà, đất của tổ chức đầu tư xây dựng nhà ở để bán)* | | |
| 1. Nội dung kê khai so với hiện trạng: …  2. Nguồn gốc sử dụng đất: ..................................................................................................  3. Thời điểm sử dụng đất vào mục đích đăng ký:………...……………………..... ..  4. Thời điểm tạo lập tài sản gắn liền với đất :…………………………………………….  5. Tình trạng tranh chấp đất đai, tài sản gắn liền với đất:.……….…..................................  6. Sự phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng: …..………….................  7. Nội dung khác :………………………………………………………………………. | | |
| *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Công chức địa chính**  *(Ký, ghi rõ họ, tên)* | | *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **TM. Uỷ ban nhân dân**  **Chủ tịch**  *(Ký tên, đóng dấu)* |
| *(Trường hợp có giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thì không xác nhận các nội dung tại các Điểm 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Mục này; đăng ký riêng về đất thì không xác nhận nội dung Điểm 4; đăng ký riêng tài sản thì không xác nhận nội dung Điểm 2 và Điểm 3 Mục này )* | | |
| **III. Ý KIẾN CỦA CƠ QUAN ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI** | | |
| …………………  *(Phải nêu rõ có đủ hay không đủ điều kiện cấp GCN, lý do và căn cứ pháp lý áp dụng; trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền nhà ở thì phải xác định rõ diện tích đất ở được công nhận và căn cứ pháp lý)* | | |
| *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Người kiểm tra**  *(Ký, ghi rõ họ, tên và chức vụ)* | *Ngày……*. *tháng…… năm* …...  **Giám đốc**  *(Ký tên, đóng dấu)* | |

**Hướng dẫn:**

*(1) Cá nhân ghi họ tên, năm sinh, số giấy CMND; hộ gia đình ghi chữ “Hộ ông” (hoặc “Hộ bà”), sau đó ghi họ tên, năm sinh, số giấy chứng minh nhân dân (nếu có) của hai vợ chồng chủ hộ (người có chung quyền sử dụng đất của hộ). Tổ chức ghi tên và quyết định thành lập hoặc giấy đăng ký kinh doanh, giấy phép đầu tư (gồm tên và số, ngày ký, cơ quan ký văn bản). Cá nhân nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài ghi họ tên, năm sinh, quốc tịch, số và ngày cấp, nơi cấp hộ chiếu. Trường hợp nhiều chủ cùng sử dụng đất, cùng sở hữu tài sản thì kê khai tên các chủ đó vào danh sách kèm theo).*

*(2) Trường hợp đăng ký nhiều thửa đất nông nghiệp mà không đề nghị cấp giấy hoặc đề nghị cấp chung một GCN nhiều thửa đất nông nghiệp thì tại dòng đầu của điểm 3 mục I chỉ ghi tổng số thửa và kê khai từng thửa vào danh sách kèm theo (Mẫu 04c/ĐK).*

*(3) Ghi cụ thể: được Nhà nước giao có thu tiền hay giao không thu tiền hay cho thuê trả tiền một lần hay thuê trả tiền hàng năm hoặc nguồn gốc khác.*

*(4) Ghi cụ thể: Nhà ở riêng lẻ, căn hộ chung cư, văn phòng, nhà xưởng, nhà kho,…*

**Phụ lục 2: Hợp đồng trích đo địa chính thửa đất.**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

………o0o……..

**HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ**

Số:…………./2023/HĐDV-CNVPĐKĐĐNL

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị Định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 25/2014/TT/BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường, quy định về các yêu cầu kỹ thuật cơ bản của việc lập, chỉnh lý, quản lý, sử dụng bản đồ địa chính và trích đo địa chính thửa đất;

Căn cứ Quyết định số 20/2020/QĐ - UBND ngày 08/05/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành đơn giá dịch vụ công trong lĩnh vực đất đai áp dụng tại Văn phòng Đăng ký đất đai thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;

Căn cứ Quyết định số 312/QĐ-VPĐKĐĐ ngày 31/12/2022 của Giám đốc Văn phòng Đăng ký đất đai về việc ủy quyền cho phép Giám đốc phụ trách Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã, thành phố tổ chức thực hiện một số công việc thuộc thẩm quyền của Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá;

Căn cứ theo nhu cầu của các bên tham gia.

Hôm nay ngày…… tháng……năm 2023, tại Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ngọc Lặc, chúng tôi gồm:

**\*BÊN A:** Ông (Bà): ......................................................................................................

CMND/CCCD số:............................. Ngày cấp..../....../........... Nơi cấp:.........................

Địa chỉ thường trú: ...................................................................................................................................

Số diện thoại:...................................................................................................................

**\*BÊN B: CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HUYỆN NGỌC LẶC**

Địa chỉ: Phố Lê Hoàn, thị trấn Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện ông: **Trương Văn Huyền**  Chức vụ: **Giám đốc**

Mã số thuế: 2802875296

Sau khi xem xét yêu cầu và nội dung công việc, hai bên thống nhất thỏa thuận ký hợp đồng dịch vụ này với các điều khoản sau:

**Điều 1: Nội dung công việc của hợp đồng:**

Bên A đồng ý sử dụng dịch vụ và Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ Đo đạc theo nhu cầu thực tế của bên A.

Tại thửa đất số: ……………………….. Tờ bản đồ: ……………………………

Địa chỉ thửa đất:……………………..…phường(xã): ………………..................

**Điều 2. Chất lượng sản phẩm:**

Chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Thông tư 25/2014/TT-BTNNMT ngày 19/05/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính

**Điều 3**. **Thời gian thực hiện và sản phẩm bàn giao:**

1. Thời gian thực hiện:

Bên B thực hiện đo đạc sau khi hợp đồng được ký kết, thời gian trả kết quả là ........... ngày kể từ ngày ký hợp đồng (không bao gồm ngày nghỉ, lễ, tết và lý do bất khả kháng do thiên tại, dịch bệnh).

2.Sản phẩm bàn giao gồm:

+ Bản đo đạc chỉnh lý thửa đất hoặc tài sản gắn liền với đất: 02 bản

+ Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất: 01 bản

+.............................................................................................................................

**Điều 4: Trách nhiệm của các bên:**

1. Trách nhiệm của bên A:

- Cung cấp các giấy tờ liên quan đến thửa đất hoặc tài sản yêu cầu đo vẽ cho cán bộ đo đạc và chịu trách nhiệm về thông tin do mình cung cấp;

- Liên hệ với các chủ sử dụng đất liền kề để phối hợp trong quá trình đo vẽ và ký xác nhận hồ sơ giáp ranh;

- Sử dụng hồ sơ đo vẽ theo đúng mục đích;

- Chịu tránh nhiệm thanh toán giá trị hợp đồng do thay đổi của bên A và các khoản chi phí phát sinh (nếu có);

- Giám sát, kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm; xác nhận khối lượng bên B đã thực hiện và thanh toán kinh phí kịp thời cho bên B.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện đo đạc theo yêu cầu của bên A tại Điều 1 Hợp đồng này và chịu trách nhiệm về kết quả đo đạc theo ranh giới được các bên liên quan thống nhất tại thực địa;

- Chất lượng công việc do bên B thực hiện đáp ứng được yêu cầu của bên A, tuân thủ theo các quy định hiện hành;

- Bàn giao sản phẩm cho bên A theo đúng quy định tại Điều 3 của Hợp đồng này.

**Điều 5: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán:**

1. Giá trị hợp đồng:

Đơn giá được áp dụng theo Quyết định 20/2020/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa.

- Tổng diện tích đo đạc: ........................................ m2

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Thửa 1: | Thửa 4: | Thửa 7: | Thửa 10: |
| Thửa 2: | Thửa 5: | Thửa 8: | Thửa 11: |
| Thửa 3: | Thửa 6: | Thửa 9: | Thửa 12: |

- Nội dung khác nếu có……………………………………………………….......................................

- Tổng Giá trị hợp đồng:......................................................................(VNĐ), (Đã bao gồm 5% VAT)

*Bằng chữ:(………….……………...…………………………………………………………………)*

2. Phương thức thanh toán

- Bên A thanh toán toàn bộ giá trị của hợp đồng trước khi bên B bàn giao tài liệu cho bên A bằng tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản của bên B.

**Điều 6: Điều khoản chung:**

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện, bất kỳ tranh chấp nào xảy ra liên quan đến hợp đồng (nếu có) hai bên phải trao đổi để cùng nhau giải quyết những vướng mắc trên nguyên tắc hợp tác.

- Trong trường hợp khối lượng thực tế và giá trị hợp đồng không có sự thay đổi thì hai bên thống nhất không làm biên bản nghiệm thu khối lượng sản phẩm và biên bản thanh lý hợp đồng. Sau khi bên B bàn giao xong sản phẩm, xuất hóa đơn tài chính cho bên A và bên A thanh toán đầy đủ số tiền cho bên B thì hai bên chính thức chấm dứt hợp đồng.

- Trường hợp khối lượng thực tế thay đổi so với hợp đồng thi 02 bên thống nhất lại giá trị hợp đồng theo khối lượng thực tế;

- Hợp đồng được lập thành 02 bản có nội dung như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để thực hiện./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A ĐẠI DIỆN BÊN B**

**Trương Văn Huyền**

(Cán bộ đo đạc………………..………….,hóa đơn số:…………..………,ngày……./……./…….)

**Phụ lục 3: Mấu phiếu tiếp nhận và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.**

|  |  |
| --- | --- |
| **CHI NHÁNH VPĐKĐĐ HUYỆN NGỌC LẶC**  **BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ**  **TRẢ KẾT QUẢ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thanh Hoá, ngày tháng năm 2023* |

Số:…...../BPTNTKQ

**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ  
Mã hồ sơ: 048.10.13.H56-230104-0012**

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc.

Tiếp nhận hồ sơ của: ………………...

Địa chỉ: …………………………….., huyện Ngọc Lặc.

Số điện thoại: …………………….. Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết: Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.

Thành phần hồ sơ nộp gồm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành phần hồ sơ** | **Số lượng** | | |
| Bản chính | Bản sao | Bản photo |
| 1 | Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK | 1 |  |  |
| 2 | Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất | 01 |  |  |
| 3 | các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật | 01 |  |  |

Số lượng hồ sơ: 1 (bộ).

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: 25 ngày làm việc.

Thời gian nhận hồ sơ: ……….giờ …….. phút, ngày ……………

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ:Trước …….. giờ …….. phút, ngày ……………...

Thời gian này không tính thời gian gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định

Vào sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số ........., số thứ tự.........

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI NỘP HỒ SƠ** | **NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ** |

|  |  |
| --- | --- |
| **CHI NHÁNH VPĐKĐĐ HUYỆN NGỌC LẶC**  **BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ**  **TRẢ KẾT QUẢ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Thanh Hoá, ngày…… . tháng….. . năm 2023* |

Số:....01../BPTNTKQ

**GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ  
Mã hồ sơ: 048.10.13.H56-230104-0012**

Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả Chi nhánh VPĐKĐĐ huyện Ngọc Lặc.

Tiếp nhận hồ sơ của: ………………….

Địa chỉ: ……………………………….., huyện Ngọc Lặc.

Số điện thoại: ………………………….. Email:

Nội dung yêu cầu giải quyết: Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.

Thành phần hồ sơ nộp gồm

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thành phần hồ sơ** | **Số lượng** | | |
| Bản chính | Bản sao | Bản photo |
| 1 | Đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Mẫu số 04/ĐK | 1 |  |  |
| 2 | Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai, tài sản gắn liền với đất | 01 |  |  |
| 3 | các giấy tờ khác theo quy định của pháp luật | 01 |  |  |

Số lượng hồ sơ: 1 (bộ).

Thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định là: 25 ngày làm việc.

Thời gian nhận hồ sơ: …….. giờ ……….phút, ngày …………….

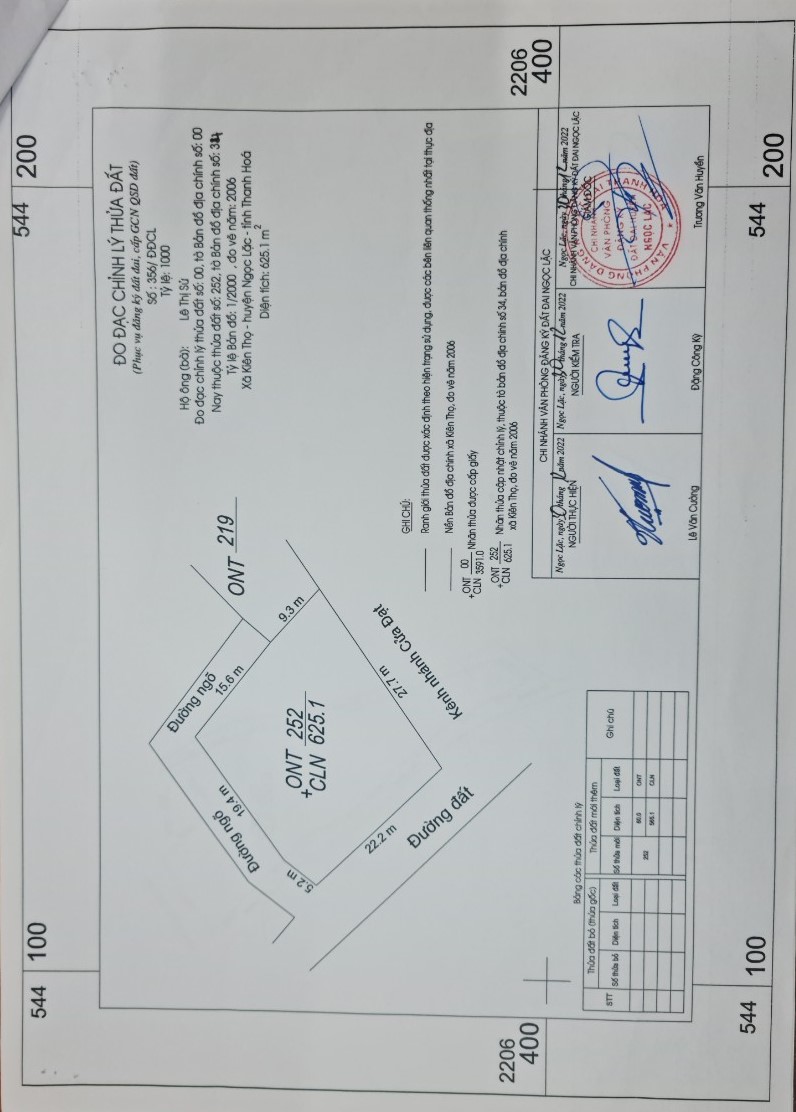
Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: Trước ……. giờ ………. phút, ngày ……………….

Thời gian này không tính thời gian gian thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất; không tính thời gian xem xét xử lý đối với trường hợp sử dụng đất có vi phạm pháp luật, thời gian trưng cầu giám định

Vào sổ theo dõi hồ sơ, Quyển số ........., số thứ tự.........

|  |  |
| --- | --- |
| **NGƯỜI NỘP HỒ SƠ** | **NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ** |

**Phụ lục 4: Mẫu Đo đạc chỉnh lý thửa đất và đơn xác định thửa đất duy nhất (nếu có)**

**- Sở đồ chỉnh lý địa chính thửa đất:**

**Phụ lục 5: Biên bản đo đạc hiện trạng thửa đất.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN ĐO ĐẠC HIỆN TRẠNG THỬA ĐẤT**

*(Kèm theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày: / /2023)*

Hôm nay, ngày...... /....... / 2023, tại gia đình ông (bà): ……………………………

Địa chỉ tại: …………………………………………………………………………..………………….

Chúng tôi đã tiến hành xác định ranh giới, mốc giới và đo đạc theo hiện trạng thửa đất theo Đơn đề nghị đo đạc địa chính thực hiện thủ tục đăng ký biến động đất đai.

**I. Thành phần tham dự:**

1. Ông (bà): …………………. - CB Chi nhánh VPĐK ĐĐ Ngọc Lặc.

2. Ông (bà):….……………..… - Chủ tịch UBND …………………....

3. Ông (bà): ….…………..…- Công chức địa chính ……………….

4. Ông (bà): ….…………………..…- CB phòng TNMT ……………….

5. Ông (bà): …………………………- Chủ sử dụng đất.

**II. Thông tin về thửa đất:**

1. **Thông tin thửa đất và các giấy tờ có liên quan.**

**1*. Thông tin liên quan đến thửa đất***:

**1. *Tổng diện tích ghi trên GCN QSDĐ***: …………. ***m2.*** Trong đó:

**a*.*** Đất ở: ………….. m2;

**b.** Đất …………………. …. ……….………. m2

**c.** Đất khác:….…………. m2

Nguồn gốc sử dụng đất……………………………………………………..

Thuộc thửa đất số….……, tờ bản đồ………….. Bản đồ…………………..

đã được cấp GCN QSDĐ số: …….…..…….Số vào số cấp giấy:……….…

ngày cấp:………………...

***2. Hiện trạng thửa đất:***

**a.** Hiện trạng thuộc thửa đất số …...., tờ bản đồ số…….…, theo Bản đồ

địa chính xã…………………..….., đo đạc năm …………………………..

……………………………………………………………………………….

|  |
| --- |
| **b.** Tài sản, công trình trên đất (nếu có):  ………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………...  ……………………………………………………………………………… |
| **B. Xác nhận của UBND** ……………………………….**:** |

**1. Tình trạng thửa đất:** ……………………………………………………

………………………………………………………………………………..

Về ranh giới sử dụng đất kể từ khi được cấp GCN QSDĐ:……………..

………………………………………………………………………………..

………………………………………………………………………………..

**2. Những nội dung khác:** Hoàn toàn thống nhất với kết quả đo hiện trạng đang sử dụng. UBND …………………………. đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện Ngọc Lặc làm thủ tục đăng ký biến động đối với thửa đất số ………....., tờ bản đồ….... theo kết quả kiểm tra, xác minh hiện trạng.

**III. Kết luận:**

Biên bản được thông qua cho các thành viên tham dự cùng nghe và nhất trí ký tên với các nội dung trong biên bản, không ai có ý kiến nào khác./.

**Sở đồ thửa đất**

|  |
| --- |
| B |

*……….. Ngày…tháng…. Năm 2023 …….. .. Ngày…tháng…. Năm 2023*

**CB Chi nhánh VPĐKĐĐ Ngọc Lặc Người sử dụng đất**

……………………… ………..…………….

**CB Chi nhánh Xác nhận UBND xã………….**

***- Phụ lục 6: Mẫu Tờ khai thuế khi thực hiện nghĩa vụ tài chính:***

|  |
| --- |
| **Mẫu số: 01/LPTB**  *(Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ tài chính* |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT**

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh □

[02] Lần đầu □                   [03] Bổ sung lần thứ □

[04] Tên người nộp thuế:  ………………….

[05] Mã số thuế: .....................................................................................

[06] Địa chỉ:  ………………………………………………………

[07] Quận/huyện: ……………….. [08] Tỉnh/Thành phố: ………….

[09] Điện thoại:   [10] Fax: ……………….. [11] Email: .....................

[12] Đại lý thuế; hoặc Tổ chức, cá nhân được ủy quyền khai thay theo quy định của pháp luật (nếu có):

[13] Mã số thuế: .......................................................................................................

[14] Địa chỉ: ……………………………………….

[15] Quận/huyện: Ngọc Lặc, [16] Tỉnh/Thành phố: Thanh Hóa

[17] Điện thoại: …………… [18] Fax: ………………. [19] Email: ......................

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số: …………………………. ngày .............................

**ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:**

1. Đất: ...............

1.1. Địa chỉ thửa đất: ……………………………, huyện Ngọc Lặc, Thanh Hóa

1.2. Vị trí thửa đất: 1

1.3. Mục đích sử dụng đất: …………………………………

1.4. Diện tích (m2):  ………………………… m2

1.5. Nguồn gốc nhà đất: ………………………………

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

Địa chỉ người giao QSDĐ:

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày  tháng   năm

1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có): đồng

2. Nhà:

2.1. Cấp nhà: .

2.2. Diện tích nhà (m2 sàn xây dựng):  m2

2.3. Nguồn gốc nhà:  .

a) Tự xây dựng: …………………; Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà): ……..

b) Mua, thừa kế, tặng cho:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày   tháng   năm

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng):

4. Tài sản thuộc diện được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:  Chứng chỉ hành nghề số: | *…………, ngày …...tháng năm 2023*  **NGƯỜI NỘP THUẾ HOẶC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** |
|  |  |

**……………………**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Mẫu số: **01/MGTH**

(*Ban hành kèm theo Thông tư số*

*80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*)

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*............, ngày..........tháng ........năm ......*

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ MIỄN (GIẢM)**

**<tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)>**

Kính gửi: ...<Tên cơ quan thuế>.....

[01] Tên người nộp thuế: …………………………………..........….…………………

[02] Mã số thuế: ………………………………………………..........……………………..

[03] Địa chỉ: …………………………………………………….…….........………………

[03a] Phường/xã...............................[03b] Quận/huyện: ..................................... [03c] Tỉnh/thành phố:..................................................

[04] Điện thoại: …………………… [05] Fax: ………...…… [06] E-mail: ……….......……………

Đề nghị được miễn (giảm) < tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm)> với lý do và <số tiền miễn (giảm)> cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị miễn (giảm):

- .........................................................................................................................................

<Ghi rõ loại khoản thu đề nghị miễn (giảm); căn cứ pháp lý và căn cứ thực tế để đề nghị miễn (giảm) thuế: thuộc đối tượng, trường hợp được miễn (giảm) nào, lý do cụ thể như: thiên tai, địch họa, tai nạn bất ngờ (ghi cụ thuể số tài sản bị thiệt hại, số lỗ)... Trường hợp đề nghị miễn (giảm) thuế tài nguyên thì cần ghi rõ thêm loại tài nguyên, địa điểm, hình thức khai thác, nơi tiêu thụ>.

2. Xác định số thuế được miễn (giảm):

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Tên khoản thu thuộc NSNN được miễn (giảm) | Kỳ tính thuế/Khoảng thời gian đề nghị miễn (giảm) | Số tiền đề nghị miễn (giảm) | Số tiền đã nộp (nếu có) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| .... | ......... |  |  |  |
|  | Cộng |  |  |  |

3. Tài liệu gửi kèm: *(ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)*

(1) …………......

(2) .........................

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(*Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

**<Xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (như UBND xã, phường, thị trấn/ cơ quan kiểm lâm trực tiếp quản lý rừng/....)>**

***Ghi chú:*** Phần nội dung ghi trong dấu < > chỉ là trường hợp ví dụ, người nộp thuế căn cứ vào hồ sơ cụ thể để xác nhận theo quy định.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Mẫu số: **04/TK-SDDPNN**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số*

*80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP**

*(Áp dụng đối với hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất)*

**[01]** Kỳ tính thuế: Năm .......

**[02]** Lần đầu:  **[03]** Bổ sung lần thứ:……

**I. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI**

**1. Người nộp thuế:**

**[04]** Họ và tên: .............................

**[05]** Ngày/tháng/năm sinh: ………………

**[06]** Mã số thuế:

**[07]** Số CMND/Hộ chiếu/CCCD (trường hợp cá nhân chưa có MST): ……………………

**[08]** Ngày cấp: **[09]** Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQLCT về Dân cư

**[10]** Địa chỉ cư trú: …………………………., huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa

**[10.1]** Số nhà: ........................... **[10.2]** Đường/phố: ..............................................

**[10.3]** Tổ/thôn: …………..  **[10.4]** Phường/xã/thị trấn: ………………..

**[10.5]** Quận/huyện: Ngọc Lặc **[10.6]** Tỉnh/Thành phố: Thanh Hóa.

**[11]** Địa chỉ nhận thông báo thuế: .........................................

**[12]** Điện thoại: …………………………

**2. Đại lý thuế (nếu có):**

**[13]** Tên đại lý thuế:...............................................................................................................

**[14]** Mã số thuế:

**[15]** Hợp đồng đại lý thuế: Số: ................................... Ngày: ............................................

**3. Thửa đất chịu thuế:** ………………………………….

**[16]** Thông tin người sử dụng đất:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Họ và tên** | **MST** | **CMND/CCCD/**  **Hộ chiếu** (trường hợp cá nhân chưa có MST) | **Tỷ lệ** |
|  | ………. |  | …………….. |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**[17]** Địa chỉ thửa đất:

**[17.1]** Số nhà: ......................... **[17.2]** Đường/ phố: ............................................

**[17.3]** Tổ/thôn: ……………….. **[17.4]** Phường/xã/thị trấn: ……….

**[17.5]** Quận/huyện: Ngọc Lặc **[17.6]** Tỉnh/Thành phố: Thanh Hóa

**[18]** Là thửa đất duy nhất:

**[19]** Đăng ký kê khai tổng hợp tại (Quận/Huyện): Ngọc Lặc

**[20]** Đã có giấy chứng nhận:

**[20.1]** Số giấy chứng nhận: ……………… **[20.2]** Ngày cấp: ……………..

**[20.3]** Thửa đất số: 300 **[20.4]** Tờ bản đồ số: 27

**[20.5]** Diện tích: 3.828,4 m2 **[20.6]** Loại đất/ Mục đích sử dụng: …………………..

**[21]** Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: ………………. m2

**[21.1]** Diện tích đất sử dụng đúng mục đích: ………………. m2

**[21.2]** Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định: 0 m2

**[21.3]** Hạn mức (nếu có): ……………………. m2

**[21.4]** Diện tích đất lấn, chiếm: 0 m2

**[22]** Chưa có giấy chứng nhận:

xxxx

**[22.1]** Diện tích: …… m2 **[22.2]** Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: ………

**[23]** Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: ………………………………………………….

**[24]** Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất: ……………………………………...

**4. Đối với đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư** **[25]** *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

**[25.1]** Loại nhà: .................**[25.2]** Diện tích: ................ **[25.3]** Hệ số phân bổ: .........

**5. Trường hợp miễn, giảm thuế** **[26]** *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách, ...): ......*..........................................................................................................................................

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

|  |  |
| --- | --- |
| **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:.............................  Chứng chỉ hành nghề số:...... | *Ngọc Lặc, ngày....... tháng .......... năm 2023*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**  (*Chữ ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)/Ký điện tử*) |

**­**

**II. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG** *(Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam)*

**1. Người nộp thuế**

**[27]** Họ và tên: **..............................**

**[28]** Ngày/tháng/ năm sinh: ........................

**[29]** Mã số thuế:

**[30]** Số CMND/Hộ chiếu/CCCD: ………………………….

**[31]** Ngày cấp: **[32]** Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQLCT về Dân cư

**2. Thửa đất chịu thuế**

**[33]** Địa chỉ: ………………………..

**[33.1]** Số nhà: ........................... **[33.2]** Đường/phố: ................................**[33.3]** Tổ/thôn: ……………..  **[33.4]** Phường/xã/thị trấn: …………….

**[33.5]** Quận/huyện: Ngọc Lặc **[33.6]** Tỉnh/Thành phố: Thanh Hóa

**[34]** Đã có giấy chứng nhận:

**[34.1]** Số giấy chứng nhận: ……………… **[34.2]** Ngày cấp: ……………………

**[34.3]** Thửa đất số: ……………. **[34.4]** Tờ bản đồ số: …………….

**[34.5]** Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: …………….. m2

**[34.6]** Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp: ……………… m2

**[34.7]** Loại đất/ Mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn

**[34.8]** Hạn mức *(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN):* …………… m2

**[35]** Chưa có giấy chứng nhận:

**[35.1]** Diện tích: ……….. m2 **[35.2]** Loại đất/ Mục đích đang sử dụng: …………..

**[36]** Thời điểm bắt đầu sử dụng đất: ……………………………………………………

**[37]** Thời điểm thay đổi thông tin của thửa đất: ………………………………………...

**3. Trường hợp miễn, giảm thuế [38]** *(ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách ...)*: ................................

**4. Căn cứ tính thuế**

**[39]** Diện tích đất thực tế sử dụng: ......................... **[40]** Hạn mức tính thuế: ..............

**[41]** Thông tin xác định giá đất:

**[41.1]** Loại đất/ mục đích sử dụng: ………………………………….

**[41.2]** Tên đường/vùng: …………………

**[41.3]** Đoạn đường/khu vực: …………………………………….

**[41.4]** Loại đường:

**[41.5]** Vị trí/hạng: 1

**[41.6]** Giá đất: …………..đ/m2 **[41.7]** Hệ số (đường/hẻm…): …………..

**[41.8]** Giá 1 m2 đất *(Giá đất theo mục đích sử dụng)*:..............

**5. Diện tích đất tính thuế**

**5.1.** Đất ở *(Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)*

Tính trên diện tích có quyền sử dụng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **[42]** Diện tích trong hạn mức  *(thuế suất: 0,03%)* | **[43]** Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức  *(thuế suất: 0,07%)* | **[44]** Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức  *(thuế suất 0,15%)* |
| …………… m2 | 0 m2 | 0 m2 |

**5.2.** Đất ở nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư *(tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng)*:

**[45]** Diện tích: ........................................ **[46]** Hệ số phân bổ: .............................

**5.3.** Diện tích đất sản xuất kinh doanh – Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

**[47]** Diện tích: .........................**[48]** Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư): ....................*

**5.4.** Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

**[49]** Diện tích: ......................... **[50]** Mục đích thực tế đang sử dụng: ...................

**[51]** Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư): ...............*

**5.5.** Đất lấn chiếm:

**[52]** Diện tích: ......................... **[53]** Mục đích thực tế đang sử dụng: ...................

**[54]** Hệ số phân bổ *(đối với nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư): .......................*

|  |  |
| --- | --- |
| *Ngọc Lặc, ngày....... tháng .... năm 2023*  **CÁN BỘ ĐỊA CHÍNH**  *(Ký tên, ghi rõ họ tên)* | *Ngọc Lặc, ngày....... tháng .....năm 2023*  **CHỦ TỊCH UBND ............**  *(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Mẫu số: **01/TSDĐ**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày*

*6/11/2013 của Bộ Tài chính.*

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

***¦***

**TỜ KHAI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT**

**[01] Kỳ tính thuế:** Theo từng lần phát sinh 🗆

[02] Lần đầu 🗆 [03] Bổ sung lần thứ 🗆

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **1. Tên tổ chức, cá nhân sử dụng đất (SDĐ): .............................** | | |
| **1.1. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền SDĐ:** ........................................... | | |
| 1.2. Điện thoại liên hệ (nếu có): 0973.273.707 Fax email: | | |
| **1.3 Đại lý thuế (nếu có) :.....................................................................................** | | |
| **1.4. Mã số thuế:** | | |
| 1.5. Địa chỉ: …………………………………… | | |
| 1.6. Quận/huyện: ................... Tỉnh/Thành phố: ..................................... | | |
| 1.7. Điện thoại: ………………………. Fax: .................. Email: .................. | | |
| 1.8. Hợp đồng đại lý thuế số :................................ngày................................................. | | |
| **2. Giấy tờ về quyền SDĐ (quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 100 Luật Đất đai), gồm:** | | |
| **3. Đặc điểm thửa đất:** | | |
| 3.1. Địa chỉ thửa đất: .........................., huyện Ngọc Lặc , tỉnh Thanh Hóa | | |
| Quận (huyện) **Ngọc Lặc** Tỉnh (Thành phố) **Thanh Hoá** | | |
| 3.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm): ………. | | |
| 3.3. Loại đất trước khi chuyển mục đích sử dụng: …………………………… | | |
| 3.4. Loại đất sau khi chuyển mục đích sử dụng: đất sản xuất kinh doanh | | |
| 3.5. Thời điểm được quyền sử dụng đất: ngày.......... tháng...........năm........ | | |
| 3.6. Nguồn gốc sử dụng đất: | | |
| **4. Diện tích nộp tiền sử dụng đất (m2): ..................** **m2** | | |
| 4.1.Đất ở tại nông thôn: | |
| a) Trong hạn mức giao đất ở: Trong đó:  Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có): |
| b) Ngoài hạn mức giao đất ở: |
| 4.2. Đất ở tại đô thị: | |
| a) Diện tích sử dụng riêng: Trong đó:  Diện tích trong hạn mức giao đất ở lựa chọn tính giá UBND cấp tỉnh quy định (nếu có): |
| b) Diện tích sử dụng chung: |
| 4.3. Diện tích đất sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: ……………. m2 | |
| 4.4. Diện tích đất sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thuỷ sản, làm muối: | |
| **5. Các khoản được giảm trừ tiền SDĐ hoặc thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền SDĐ (nếu có):** | | |
| 5.1. Số tiền thực tế bồi thường thiệt hại, hỗ trợ về đất: | |
| 5.2. Số tiền sử dụng đất, thuê đất đã nộp trước (nếu có): | |
| 5.3. Miễn, giảm tiền sử dụng đất (ghi rõ căn cứ văn bản quy phạm pháp luật áp dụng) | |
| **6. Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm (hoặc giảm trừ) tiền sử dụng đất (nếu bản sao thì phải có công chứng) và các chứng từ về chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất, chứng từ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đã nộp trước...** | | |
| Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./. | | |
| |  |  | | --- | --- | | **NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ**  Họ và tên:  Chứng chỉ hành nghề số: | *...,Ngày......... tháng năm 20…….*  **NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**  **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ** | | | |